

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**THÀNH PHỐ CÀ MAU**                      **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
**TỈNH CÀ MAU**

Bản án số: 59/2022/DS-ST  
Ngày 24-3-2022  
V/v tranh chấp HĐ vay tài sản và hụi

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Hồng Thẩm.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Hà Trọng Tâm

Ông Huỳnh Hoàng Khởi

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Đình Chương - Là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 24 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 409/2021/TLST-DS ngày 02 tháng 12 năm 2021, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2022/QĐXXST-DS, ngày 04 tháng 3 năm 2022, về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hụi” giữa các đương sự:

*- Nguyên đơn:* Bà Phạm Thu H, sinh năm 1985 (có mặt).

*Địa chỉ cư trú:* Số 61B, đường T, khóm 4, phường 8, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

*- Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1961 (có mặt).

*- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1960.

*Cùng địa chỉ cư trú:* Hẻm 55, đường L, khóm 7, phường 6, thành phố C, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Nguyên đơn bà Phạm Thu H trình bày:*

Bà Phạm Thu H có cho bà Nguyễn Thị H1 vay tiền nhiều lần, thời gian và số tiền vay cụ thể như sau:

Ngày 20/5/2019 vay số tiền 50.000.000 đồng;

Ngày 18/9/2019 vay số tiền 15.600.000 đồng;

Ngày 11/10/2019 vay số tiền 4.000.000 đồng;

Ngày 17/02/2020 vay số tiền 18.000.000 đồng;

Ngày 17/5/2020 vay số tiền 22.000.000 đồng;

Ngày 17/6/2020 vay số tiền 20.880.000 đồng;  
Ngày 16/8/2020 vay số tiền 10.000.000 đồng;  
Ngày 18/11/2020 vay số tiền 15.000.000 đồng;  
Ngày 01/12/2020 vay số tiền 12.000.000 đồng;  
Sáng ngày 13/3/2021 vay số tiền 40.000.000 đồng;  
Chiều ngày 13/3/2021 vay số tiền 24.000.000 đồng;  
Ngày 31/3/2021 vay số tiền 8.000.000 đồng;

Tổng số tiền vay là 239.480.000 đồng. Các khoản vay trên, bà H cho bà H1 vay đều có Biên nhận và bà H1 có ký tên vào Biên nhận. Lãi suất thỏa thuận miệng là 2%/tháng. Sau khi vay bà H thanh toán vốn được 2.900.000 đồng, còn 236.580.000 đồng. Lãi thì thanh toán đến tháng 3 năm 2021 thì ngưng cho đến nay. Bà H chỉ yêu cầu tính lãi như sau:

Đối với khoản vay ngày 20/5/2019, vay số tiền 50.000.000 đồng. Yêu cầu tính lãi 01 tháng từ ngày 21/3/2021 - 21/4/2021= 725.000 đồng.

Đối với khoản vay ngày 11/10/2019, vay số tiền 4.000.000 đồng. Yêu cầu tính lãi 01 tháng từ ngày 11/3/2021 - 11/4/2021= 100.000 đồng.

Đối với khoản vay ngày 17/02/2020, vay số tiền 18.000.000 đồng. Yêu cầu tính lãi 01 tháng từ 11/4/2021 - 11/5/2021= 360.000 đồng.

Đối với khoản vay ngày 17/5/2020, vay số tiền 22.000.000 đồng. Yêu cầu tính lãi 01 tháng từ 17/4/2021 - 17/5/2021= 220.000 đồng.

Đối với khoản vay ngày 17/6/2020 vay số tiền 20.880.000 đồng. Yêu cầu tính lãi 01 tháng từ 17/3/2021 - 17/4/2021= 500.000 đồng.

Đối với khoản vay ngày 16/8/2020 vay số tiền 10.000.000 đồng. Yêu cầu tính lãi 01 tháng từ 16/3/2021 - 16/4/2021= 150.000 đồng.

Đối với khoản vay ngày 01/12/2020 vay số tiền 12.000.000 đồng. Yêu cầu tính lãi 01 tháng từ 01/4/2021 - 01/5/2021= 240.000 đồng.

Đối với khoản vay ngày 13/3/2021 vay số tiền 24.000.000 đồng. Yêu cầu tính lãi 01 tháng từ 13/3/2021 - 13/4/2021= 360.000 đồng.

Tổng lãi là 2.655.000 đồng. Nhưng bà H giữ nguyên theo đơn khởi kiện, chỉ yêu cầu bà H1 thanh toán khoản lãi là 1.960.000 đồng. Khoảng thời gian từ sau tháng 5 năm 2021 trở về sau, bà H tự nguyện không yêu cầu. Đồng thời cũng không đặt ra yêu cầu nào khác.

Ngoài ra vào ngày 04/9/2019, bà Phạm Thu H có làm chủ hội, loại hội 1.000.000 đồng, gồm 22 phần, mỗi tháng khai 01 lần. Bà Nguyễn Thị H1 có tham gia chơi 01 phần. Dây hội này hiện nay đã mất vào ngày 04/6/2021. Nhưng bà H1 còn thiếu 03 kỳ hội cuối là 1.000.000 đồng x 3 kỳ = 3.000.000 đồng.

Đến ngày 04/3/2000, bà Phạm Thu H có làm chủ hội, loại hội 2.000.000 đồng, gồm 20 phần, mỗi tháng khai 01 lần. Bà Nguyễn Thị H1 có tham gia chơi 01 phần. Đến ngày 17/7/2000, bà H1 bỏ hội và hốt được số tiền 23.500.000 đồng (Biên nhận ngày 17/7/2020). Sau khi hốt

hụi, bà H1 đóng hụi chết đến tháng 3 năm 2021. Từ tháng 4 năm 2021 thì ngưng đóng hụi chết cho đến nay. Hiện đây hụi này đã mãn. Tổng số tiền hụi bà H1 còn thiếu bà H là 2.000.000 đồng x 7 kỳ = 14.000.000 đồng.

Tổng cộng là 17.000.000 đồng.

Từ nội dung trên, bà Phạm Thu H xác định chỉ yêu cầu một mình bà Nguyễn Thị H1 trả cho bà H số tiền còn thiếu là 255.540.000 đồng. Trong đó tiền gốc là 236.580.000 đồng, tiền hụi là 17.000.000 đồng, tiền lãi là 1.960.000 đồng.

Ngoài ra nguyên đơn không còn yêu cầu nào khác.

*Bị đơn bà Nguyễn Thị H1 trình bày:*

Bà Nguyễn Thị H1 có tham gia chơi hụi do bà H làm chủ, đồng thời có vay tiền của bà H nhưng không nhớ rõ thời gian cụ thể.

Khi cho vay tiền, bà H có làm Biên nhận và bà H1 có ký tên vào Biên nhận. Hai bên có thỏa thuận lãi suất, nhưng không phải 2% theo như lời trình bày của bà H, mà bà H1 góp tiền cho bà H theo ngày (không nhớ cụ thể).

Bà H1 xác định chữ viết H1 và Nguyễn Thị H1 trong 13 Biên nhận do bà H cung cấp cho Tòa án (bà H1 đã được xem) là của bà H1. Còn chữ viết phía trên có khi của bà H1, có khi của bà H. Đồng thời tiếng nói trong các file ghi âm mà bà H cung cấp cho Tòa án, bà H1 đã được nghe. Bà H1 xác định giọng nói trong ghi âm đúng là của bà H1. Bà H1 không yêu cầu giám định chữ viết, chữ ký cũng như không yêu cầu giám định giọng nói.

Bà H1 vay tiền và tham gia chơi hụi của bà H là do một mình bà H1 tự chơi. Bà H1 giấu gia đình và chơi một mình. Nay bà H1 nhận trách nhiệm một mình thanh toán nợ cho bà H mà không liên quan đến người khác.

Hiện bà H1 chỉ còn thiếu bà H số tiền hụi là 13.000.000 đồng và số tiền vay là 48.000.000 đồng. Tổng 02 khoản là 61.000.000 đồng, nên bà H1 chỉ đồng ý trả cho bà H số tiền 61.000.000 đồng. Tuy nhiên việc bà H1 thanh toán nợ cho bà H không có Biên nhận, giấy tờ thể hiện nên bà H1 không cung cấp được cho Tòa án. Bà H1 không yêu cầu Tòa án triệu tập người làm chứng, không yêu cầu đối trừ khoản lãi mà bà H1 đã thanh toán cho bà H.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T vắng mặt tại phiên tòa, do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông Nguyễn Văn T.

[2] Nguyên đơn và bị đơn thống nhất xác định:

Chữ viết H1 và Nguyễn Thị H1 trong 13 Biên nhận là của bà Nguyễn Thị H1. Còn chữ viết phía trên có khi của bà H1, có khi của bà H.

Tiếng nói trong các file ghi âm mà bà H cung cấp cho Tòa án đã được công bố cho bà H1, bà H biết. Nguyên đơn, bị đơn xác định đúng là giọng nói của bà H và bà H1 trong các file ghi âm nói trên.

Nguyên đơn, bị đơn không yêu cầu giám định chữ viết, chữ ký và cũng không yêu cầu giám định giọng nói.

Trên đây là các chứng cứ được các đương sự thừa nhận nên không cần phải chứng minh.

[3] Tại phiên tòa nguyên đơn bà Phạm Thu H xác định chỉ yêu một mình bà Nguyễn Thị H1 trả cho bà H tổng số tiền 255.540.000 đồng. Trong đó tiền gốc là 236.580.000 đồng, tiền hui 17.000.000 đồng, tiền lãi 1.960.000 đồng. Ngoài ra nguyên đơn không còn yêu cầu nào khác.

Xét yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy:

[4] Thứ nhất: Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn bà Nguyễn Thị H1 trả cho nguyên đơn tổng số tiền vay còn thiếu theo 12 Biên nhận là 236.580.000 đồng. Hội đồng xét xử thấy: Quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn bà Nguyễn Thị H1 thừa nhận chữ ký H1 và chữ viết Nguyễn Thị H1 trong 12 Biên nhận tiền nói trên là của bà H1. Qua kiểm tra, tổng số tiền trong 12 Biên nhận là 239.480.000 đồng. Nguyên đơn cho rằng bà H1 đã thanh toán được số tiền vốn 2.900.000 đồng, nên yêu cầu bà H1 trả số tiền còn là 236.580.000 đồng. Còn bà H1 thì cho rằng đã thanh toán tiền cho bà H, hiện chỉ còn thiếu bà H số tiền vay là 48.000.000 đồng, nhưng không có chứng cứ chứng minh và không được nguyên đơn thừa nhận, do đó Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn bà H1 thanh toán cho nguyên đơn tổng số tiền vốn vay còn thiếu là 236.580.000 đồng.

[5] Thứ hai: Đối với khoản tiền lãi suất: Nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền lãi là 1.960.000 đồng. Số còn lại tự nguyện không yêu cầu. Xét thấy sự tự nguyện này của nguyên đơn có lợi cho bị đơn, không trái quy định pháp luật nên chấp nhận. Buộc bị đơn thanh toán cho nguyên đơn khoản tiền lãi 1.960.000 đồng.

[6] Đối với số tiền hui 17.000.000 đồng. Tại phiên tòa, bị đơn bà Nguyễn Thị H1 thừa nhận còn thiếu và đồng ý trả cho nguyên đơn Phạm Thu H số tiền hui là 13.000.000 đồng, không thừa nhận số tiền chênh lệch 4.000.000 đồng, nhưng không có chứng cứ chứng minh và không được nguyên đơn chấp nhận. Do đó, Hội đồng xét xử thấy cần buộc bị đơn thanh toán cho nguyên đơn số tiền hui 17.000.000 đồng là phù hợp.

[7] Từ các phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử thấy có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị H1 trả cho nguyên đơn tổng số tiền còn thiếu là 255.540.000 đồng. Trong đó tiền vốn vay là 236.580.000 đồng; tiền lãi là 1.960.000 đồng; tiền hui 17.000.000 đồng.

[8] Các đương sự không đặt ra yêu cầu đòi trừ lãi suất; không yêu cầu giám định chữ viết, chữ ký cũng như giọng nói, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[9] Bị đơn không phải chịu án phí, được miễn nộp.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều: 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ Điều 471 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Nghị định 19/2006/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hui, tiêu, phường.

Căn cứ nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thu H. Buộc bà Nguyễn Thị H1 trả cho bà Phạm Thu H tổng số tiền còn thiếu là 255.540.000 đồng. Trong đó tiền vốn vay là 236.580.000 đồng; tiền lãi là 1.960.000 đồng; tiền hui là 17.000.000 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành xong khoản tiền trên, thì người phải thi hành án phải trả thêm khoản lãi theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Án phí dân sự sơ thẩm bà Phạm Thu H không phải chịu. Ngày 25/11/2021, bà H có nộp tạm ứng án phí số tiền 6.388.000 đồng (Phạm Thu Quyên nộp thay), theo Biên lai thu số 0000671 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cau Mau, được nhận lại.

Án phí dân sự sơ thẩm bà Nguyễn Thị H1 không phải nộp, được miễn nộp.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận**

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND thành phố Cà Mau;
- Chi cục THADS thành phố Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa  
(Đã ký)

Nguyễn Hồng Thắm